TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-7-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Thu

2. Ông Nguyễn Minh Toàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quang Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 ngày 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Cẩm N; nơi ĐKNKTT: Số 5/485 tổ đường N phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 58/81 đường Đ, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quang T; nơi cư trú: Số 5/485 tổ đường N phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Cẩm N trình bày:

Chị Nguyễn Cẩm N và anh Trần Quang T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng ngày 11/5/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh

phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh T không có trách nhiệm với vợ con nên chị N đã chuyển ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống từ tháng 12/2023, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đó làm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quang T.

Về con chung: Chị N và anh T có một con chung là cháu Trần Phúc A, sinh ngày 29/7/2020. Ly hôn, chị N đề nghị Tòa án giao con cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị tự thỏa thuận với anh T, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N đề nghị tự thỏa thuận với anh T, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn là anh Trần Quang T:

Anh T xác nhận và thống nhất với chị N về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, anh xác nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó từ khoảng tháng 11/2023 vợ chồng mâu thuẫn, chị N chuyển ra ngoài ở riêng. Anh T trình bày bản thân anh có những thiếu sót và mong được xem xét, sau đó anh và chị N cũng đã trao đổi về nguyên nhân mâu thuẫn và tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả, chị N không đồng ý. Nay chị N đề nghị ly hôn với anh, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn, chị N có quyền đơn phương gửi đơn đến Tòa án để xem xét giải quyết.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Trần Phúc A, sinh ngày 29/7/2020. Tại bản tự khai gửi Tòa án, anh T trình bày anh và chị N tự thỏa thuận về việc chăm sóc con chung. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh T có quan điểm nếu phải ly hôn thì anh đề nghị được nuôi con nhưng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu thể hiện có đủ điều kiện nuôi con để Tòa án xem xét.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Cẩm N, xử chị N được ly hôn anh Trần Quang T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trần Phúc A, sinh ngày 29/7/2020 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh T tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật.Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn là anh Trần Quang T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Trần Quang T vắng mặt mặc dù đã được tống đạt, thông báo hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Cẩm N và anh Trần Quang T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày 11/5/2020 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2023, không còn quan tâm đến nhau. Mặt khác, anh T cũng chưa có giải pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để gia đình đoàn tụ. Trong khi đó chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Nguyễn Cẩm N được ly hôn anh Trần Quang T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị N và anh T có một con chung là cháu Trần Phúc A, sinh ngày 29/7/2020. Căn cứ vào lời khai của chị N thể hiện: Từ tháng 12/2023 chị đã dọn ra khỏi nhà anh T để thuê nhà trọ sinh sống, hiện tại chị đưa cháu Phúc Anh về nhà bố mẹ đẻ để nhờ ông bà chăm sóc do khi đó chị chưa sắp xếp được chỗ ở ổn định. Hiện nay, chị N đã ổn định cuộc sống, thuê được nhà trọ để đưa con về sinh sống cùng. Chị N cung cấp tài liệu thể hiện chị làm việc tại Ngân hàng với mức lương 13 triệu đồng/ tháng. Anh T cũng có ý kiến được trực tiếp

chăm sóc con chung, có trình bày hiện tại công việc của anh làm Ngân hàng nhưng không cung cấp tài liệu thể hiện công việc và mức lương hàng tháng để Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu Trần Phúc A cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N xác nhận chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị N xác nhận chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Cẩm N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Cẩm N được ly hôn anh Trần Quang T

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Phúc A, sinh ngày 29/7/2020 cho chị Nguyễn Cẩm N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Cẩm N và anh Trần Quang T tự thỏa thuận, không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Cẩm N và Trần Quang T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Cẩm N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị N được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai số 0002559 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Cẩm N có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Quang T (vắng mặt) tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- UBND phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quỳnh Như

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Quỳnh Như